

Chức vụ
gh
ph

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị
Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi,
huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
CÔNG VĂN ĐIỆN
SỐ..... NGÀY.....
CHUYỂN.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1436/SVHTTDL-QLDS ngày 30/12/2016; UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 860/TTr-UBND ngày 08/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, với nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch

1.1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch định hướng tổng quan

Mở rộng phạm vi nghiên cứu quy hoạch định hướng tổng quan tạo cơ sở phát triển kinh tế di sản gắn với nông thôn nông nghiệp bao gồm toàn bộ 3 xã Tân Lập, Tân Mộc và Nam Dương.

Ranh giới nghiên cứu được xác định: Phía Bắc giáp thị trấn Chũ, xã Tân Quang; phía Tây giáp xã Mỹ An và phía Đông giáp 2 xã Đèo Gia và Đồng Cốc (huyện Lục Ngạn); phía Nam giáp huyện Lục Nam.

Tổng diện tích khu vực nghiên cứu quy hoạch định hướng tổng quan khoảng 12.280 ha; trong đó, xã Nam Dương khoảng 2.976 ha; xã Tân Mộc khoảng 3.725 ha; xã Tân Lập khoảng 5.580 ha.

1.2. Quy mô quy hoạch tổng thể khu di tích và danh thắng chùa Am Vãi

Khu vực quy hoạch tổng thể khu di tích và danh thắng chùa Am Vãi có vị trí trung tâm, lấy hướng Tây Nam núi Am Ni làm hướng phát triển chủ đạo; tổng diện tích khoảng 1.065 ha; trong đó, xã Nam Dương khoảng 489 ha; xã Tân Mộc khoảng 475 ha; xã Tân Lập khoảng 101 ha.

2. Nhận diện, xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích, di sản khu vực quy hoạch

2.1. Về di sản văn hóa - lịch sử

Khu vực quy hoạch hiện có 4 ngôi chùa với các chứng tích được xây dựng từ thời Lý - Trần, trong đó Chùa Am Vãi, Chùa Hàm Long là di tích cấp tỉnh đã được công nhận. Chùa Nam Biền (Nghiêm Phúc Thiền tự) và Chùa Khả Lã là những phế tích đã được người dân địa phương và các phật tử xây dựng lại trên nền chùa cũ.

Chùa Am Vãi nằm trên sườn Đông Bắc đỉnh núi Am Ni, thuộc địa phận 3 xã Nam Dương, Tân Lập và Tân Mộc với các di tích gốc thời Lý - Trần gồm hang Tiên, Hang Gạo, Dấu Chân Phật, “Liên Hoa bảo tháp”; chùa Hàm Long, chùa Nam Biền (Nghiêm Phúc Thiền tự) ở phía Tây Nam chân núi Am Ni thuộc Xã Nam Dương; chùa Khả Lã ở phía Đông Bắc chân núi Am Ni thuộc xã Tân Lập. Các ngôi chùa đều được đặt tại các khu vực có cảnh quan đẹp, vị thế đắc địa, linh thiêng, nằm trong hệ thống di tích Phật giáo Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử (khu vực Tây Yên Tử).

2.2. Về di sản thiên nhiên

Đỉnh núi Am Ni (còn gọi là núi Am Vãi, tên chữ là núi Quan Âm) có độ cao khoảng 420 m so với mực nước biển, xung quanh từ phía Đông đến phía Nam là các thung lũng bằng phẳng, gò đồi thấp, với sông Lục Nam (còn gọi là sông Chũ, tên chữ là sông Minh Đức), sông Bò (khởi nguồn từ dãy núi Yên Tử) uốn khúc chảy quanh, cảnh quan ngoạn mục, trong lưu vực có nhiều di tích, di vật lâu đời; phía Đông Nam núi Am Ni nhìn sang đỉnh Yên Tử và chùa Đông; Trên đỉnh núi Am Ni có nguồn nước dồi dào, trong mát, không bao giờ cạn, đây là nơi khởi nguồn hệ thống các dòng chảy, mặt nước với khoảng 10 hồ và 18 con suối lớn nhỏ với cảnh quan thiên nhiên độc đáo.

2.3. Về di sản nông thôn, nông nghiệp

Khu vực quy hoạch là nơi có văn hóa bản địa đặc sắc với tập quán trồng đặc sản cây ăn quả (nổi tiếng là vải thiều), cây dược liệu; kiến trúc bản địa nhà đất trình tường, nhà gỗ, lợp mái tranh, ngói ống (âm dương) độc đáo.

Sự phong phú, đa dạng của các loại hình di sản nêu trên là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế di sản gắn với nông thôn nông nghiệp bằng du lịch tâm linh và văn hóa tại khu vực này.

3. Mục tiêu và quan điểm quy hoạch

3.1. Mục tiêu quy hoạch

- Mục tiêu tổng quát: Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, tâm linh gắn với phát triển kinh tế di sản, du lịch; thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, hiện đại hóa nông thôn nông nghiệp, phát triển thịnh vượng và bền vững; định hướng trở thành một khu vực di tích trọng yếu của quần thể di tích và danh thắng Tây Yên Tử, đạt các tiêu chí điểm du lịch vào năm 2020 và khu du lịch vào năm 2030.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Quy hoạch bảo tồn và phát triển một khu di tích văn hóa tâm linh truyền thống; tái phát triển các địa chỉ tâm linh (các ngôi chùa có sẵn) trong phạm vi các xã Tân Mộc, Tân Lập và Nam Dương;

+ Tạo nên những chức năng, kiến trúc, cảnh quan khác biệt, các nội dung hấp dẫn, nhằm hình thành một khu vực trung tâm du lịch văn hóa Phật giáo kết hợp thắng cảnh thiên nhiên và hội tụ các loại cây ăn trái đặc sản miền Bắc Việt Nam;

+ Kiến tạo những nội dung mang tính đặc trưng, thông qua việc phục dựng những kiến trúc Phật giáo tinh hoa Việt Nam thời kỳ Lý, Trần trở thành một địa chỉ hành hương quan trọng của quần thể di tích và danh thắng Tây Yên Tử;

+ Tạo ra cơ cấu về chức năng phù hợp với việc thúc đẩy phát triển kinh tế di sản gắn với nông nghiệp, nông thôn, cải thiện đời sống dân cư địa phương; đóng góp vào tiến trình đô thị hóa và thành lập thị xã Chũ;

+ Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng, cảnh quan tổng thể, đóng góp và khơi dậy cảm hứng cộng đồng; thiết lập các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển nhanh chóng.

3.2. Quan điểm quy hoạch

- Bảo tồn, kiến tạo các không gian chức năng phải thể hiện tính độc đáo, đa dạng về sản phẩm du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh trên nền tài nguyên, di sản tâm linh;

- Khai thác, phát huy, tích hợp được các giá trị văn hóa truyền thống, tinh hoa của thời đại Lý, Trần, Việt Nam và thế giới;

- Mở rộng cơ hội cho các thành phần xã hội, thành phần kinh tế cùng tham gia, thúc đẩy phát triển nhanh chóng;

- Tiết kiệm đất đai, tái định cư tại chỗ, tránh xáo trộn tâm thế dân cư. Hạn chế mức thấp nhất việc di dời các khu vực dân cư, tránh tổn thất trong quản lý và đầu tư cũng như làm xáo trộn cuộc sống của cư dân địa phương;

- Xác định các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn, đề xuất các giải pháp phù hợp với việc huy động các nguồn lực đầu tư cho từng giai đoạn;

- Tạo ra những không gian cộng đồng có khả năng đáp ứng với nhiều nhu cầu hoạt động khác nhau trong nhiều thời điểm;

- Gắn sự phát triển của Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi

với việc đóng góp trực tiếp làm cho kinh tế thịnh vượng và cải thiện đời sống của cư dân địa phương.

4. Tính chất và chức năng

4.1. Tính chất

Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi là nơi bảo tồn, đào tạo và truyền bá tư tưởng Phật giáo thiền tông Trúc Lâm Yên Tử; lấy văn hóa tâm linh làm cốt lõi, du lịch sinh thái nông thôn, nông nghiệp làm động lực phát triển;

Là nơi kiến tạo cơ hội, làm tăng giá trị của di sản bằng du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, trong đó, người dân địa phương làm chủ thể sáng tạo, thực hành; khai thác thế mạnh của nghệ thuật thực địa, xây dựng Khu di tích trở thành một quần thể du lịch tổng hợp hấp dẫn, môi trường tự nhiên trong lành, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng tiếp đón hoàn chỉnh, có khả năng cung cấp các dịch vụ trọn gói với chất lượng cao.

4.2. Chức năng

Các chức năng chủ đạo gồm: Chức năng tâm linh; chức năng du lịch, dịch vụ, thương mại; chức năng cộng đồng, cộng đồng; chức năng dân cư; chức năng nghiên cứu, bảo tồn, bảo tàng, hội nghị, hội thảo; chức năng cảnh quan, canh tác nông nghiệp hàng hóa; chức năng quản lý và hạ tầng kỹ thuật.

5. Mô hình, cấu trúc và động lực phát triển

5.1. Mô hình, cấu trúc tổng quan

Mô hình phát triển của Khu di tích chùa Am Vãi và thắng cảnh núi Am Ni được tổ chức phù hợp với cấu trúc cơ bản của dạng thức phát triển kinh tế di sản. Trong đó, lấy du lịch tâm linh làm yếu tố cốt lõi, tương tác với các loại hình di sản khác: Di sản văn hóa lịch sử; di sản văn hóa bản địa; di sản thiên nhiên; di sản khảo cổ học và di sản nông nghiệp, nông thôn;

Đồng nhất các hoạt động du lịch và sản xuất nông nghiệp cùng với chế tác tiểu thủ công nghiệp và phù hợp với các mô hình nông thôn hiện đại, phổ biến tại các quốc gia phát triển trên thế giới;

Tập trung phục vụ các hoạt động du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch hội nghị, hội thảo, thương mại, mua sắm, triển lãm nông sản, bảo tồn, bảo tàng, nghệ thuật cảnh quan và các hoạt động sinh hoạt, sản xuất thường ngày cũng như dịp lễ hội của cư dân địa phương và du khách, hướng tới đạt các tiêu chí của điểm du lịch trong ngắn hạn, khu du lịch trong dài hạn;

Cấu trúc khu di tích, danh thắng mang tính linh hoạt, có khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường đô thị, du lịch trong ngắn hạn song cũng có khả năng duy trì sự phát triển bền vững trong dài hạn dựa trên nguyên lý kiểm soát giới hạn tăng trưởng nhằm đảm bảo tính ổn định của không gian môi trường, cảnh quan.

5.2. Động lực phát triển

Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi dự kiến hình thành trên cơ sở 06 động lực phát triển: (1) Động lực phát triển đến từ cảm hứng cộng đồng và cơ chế cùng tham gia; (2) Động lực phát triển đến từ các ưu thế của vùng đất địa linh

và các di sản văn hóa, thiên nhiên sẵn có; (3) Động lực phát triển đến từ các tác nhân làm biến đổi vùng; (4) Động lực phát triển đến từ năng lực kết nối vùng quốc gia và quốc tế; (5) Động lực phát triển đến từ sự tương tác giữa đô thị hóa và bảo tồn di sản đô thị, nông thôn và nông nghiệp; (6) Động lực đến từ sự thức tỉnh, khơi dậy các tiềm năng nội tại từ các cá nhân, xã hội và thiên nhiên tại địa phương.

6. Nội dung quy hoạch

6.1. Quy mô dân số và lưu lượng du khách

a) Lưu lượng du khách

Lưu lượng du khách (dự kiến) đến Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Chùa Am Vãi (và Tây Yên Tử) đến năm 2025 và 2030 được xác định trên cơ sở ước tính tương ứng khoảng 20% và 30% lưu lượng du khách đến thành phố Bắc Giang và Đông Yên Tử.

Dự báo đến năm 2025, tổng lượng du khách dự kiến khoảng 2.154.000 người/năm; Lượng khách trung bình/ngày khoảng 5.900 người; Ngày cao điểm khoảng 32.300 người.

Dự báo đến năm 2030, tổng lượng du khách dự kiến khoảng 2.499.600 người/năm; Lượng khách trung bình/ngày khoảng 6.800 người; Ngày cao điểm khoảng 37.500 người.

b) Quy mô dân số:

Tổng lượng dân cư hiện trạng (năm 2015) trong phạm vi khu vực nghiên cứu quy hoạch định hướng tổng quan khoảng 18.600 người; Trong đó, xã Nam Dương khoảng 7.200 người; xã Tân Mộc khoảng 4.800 người; xã Tân Lập khoảng 6.600 người. Tổng số lao động khoảng 13.000 người.

Dự báo đến năm 2025: tổng lượng dân cư khoảng 21.800 người; Trong đó, xã Nam Dương khoảng 8.500 người; xã Tân Mộc khoảng 5.600 người; xã Tân Lập khoảng 7.700 người. Tổng số lao động khoảng 15.500 người.

Dự báo đến năm 2030: tổng lượng dân cư khoảng 32.000 người; Trong đó, xã Nam Dương khoảng 12.400 người; xã Tân Mộc khoảng 8.300 người; xã Tân Lập khoảng 11.300 người. Tổng số lao động khoảng 17.500 người.

6.2. Phân vùng phát triển

Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi căn cứ các điều kiện tự nhiên, xã hội; mục tiêu, tính chất, chức năng, mô hình, cấu trúc, động lực phát triển; Theo đó, định hướng phân thành 08 khu vực phát triển tương đối độc lập, có cấu trúc, phong cách cảnh quan kiến trúc khác nhau, tạo nên sự đa dạng và sức hấp dẫn theo tính chất đô thị, nông thôn, nông nghiệp và các chức năng khác ngoài đô thị; Cụ thể:

a) Khu vực phát triển I (Quần thể tâm linh núi Am Ni):

Tọa lạc ở trung tâm, vòng cung phía Tây Nam núi Am Ni, là khu vực được lựa chọn trên cơ sở vị thế phong thủy, địa thế phù hợp với việc tổ chức không gian, bố trí công trình tín ngưỡng, tôn giáo; một khu vực đặc địa có hướng nhìn xuống đồng bằng

lưu vực sông Bò (bắt nguồn từ dãy Tây Yên Tử) và sông Lục Nam.

b) Khu vực phát triển II (Khu dịch vụ trung tâm):

Bố trí ở phía Tây Nam chùa Am Vãi, núi Am Ni, một khu đất tương đối bằng phẳng, đối diện với khu vực tâm linh qua đường 289; các khu vực này được lựa chọn trên cơ sở tạo khả năng liên kết, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng du lịch cho khu vực tâm linh và các khu vực phát triển khác.

c) Khu vực phát triển III (Khu vực dịch vụ cư sĩ):

Nằm ở phía Đông Nam núi Am Ni, kết nối khu vực tâm linh với quần cư dịch vụ, khu dân cư hiện hữu; đây là khu vực có địa hình trên cao độ khoảng 100m tương đối bằng phẳng được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng mục đích phục vụ cho các tín đồ, Phật tử không có điều kiện chuyên tu có cơ hội tu hành.

d) Khu vực phát triển IV (Khu vực quần cư dịch vụ):

Được bố trí trên cơ sở các khu vực dân cư tập trung ven chân núi Am Ni, điem đầu các tuyến đường tiếp cận khu vực tâm linh và chùa Am Vãi, hội tụ đỉnh núi Am Ni theo các hướng Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc, Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây thuộc các xã Tân Lập, Nam Dương, Tân Mộc; Khu vực này được tổ chức lại các không gian cho phù hợp với chức năng đón tiếp, hạ tầng du lịch.

e) Khu vực phát triển V (Khu vực dân cư hiện hữu):

Khu vực dân cư hiện hữu nằm xen kẽ giữa khu vực quần cư dịch vụ (khu vực dân cư hiện hữu và khu vực phát triển dân cư theo quy hoạch nông thôn mới thuộc xã Nam Dương, Tân Lập, Tân Mộc). Tại khu vực này sẽ tập trung phát triển kinh tế hộ gia đình, nhà vườn trồng cây ăn trái kết hợp du lịch cộng đồng (homestay).

f) Khu vực phát triển VI (Khu vực đô thị):

Khu vực đô thị nằm ở phía Tây Bắc khu quy hoạch, đây là một khu vực đô thị (Đông Nam Dương và Tây Nam Dương) được phát triển dựa trên cơ sở Quy hoạch chung thị trấn Chũ, trong đó các hoạt động kinh tế di sản (của Khu di tích) sẽ trở thành động lực và hạt nhân tạo thị.

g) Khu vực phát triển VII (Khu vực cảnh quan):

Khu vực cảnh quan nằm xen kẽ dọc các tuyến đường đi, giữa quần cư dịch vụ và quần cư hiện hữu, các không gian cây xanh chủ yếu trên núi Am Ni, đóng vai trò tạo ra diện mạo cảnh quan đặc biệt, là nơi phát triển các cây ăn quả, cây tạo cảnh quan, bóng mát, nguồn sinh thủy.

h) Khu vực phát triển VIII (Khu vực giao thông, hạ tầng chung):

Bao gồm không gian giao thông tỉnh lộ (đường 289), huyện lộ trong khu vực quy hoạch; các tuyến đường, hướng vào chính cổng hướng lên đỉnh núi Am Ni; giao thông, hạ tầng chung kết nối các khu vực phát triển, các chức năng cơ bản được bố trí thành những cảnh quan theo từng chuyên đề, tạo ra những tuyến không gian đặc biệt

với chủ đề khác nhau nhằm tăng thêm sự hấp dẫn.

6.3. Định hướng không gian chức năng và giới hạn tăng trưởng tổng quan

Trên cơ sở các điều kiện tự nhiên, tiềm năng, lợi thế của khu vực, định hướng phát triển không gian đô thị nông thôn theo giới hạn tăng trưởng tối ưu nhằm gia tăng chất lượng không gian trong kế hoạch dài hạn, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững về kinh tế, xã hội, sinh thái, môi trường và thị trường bất động sản cho Khu di tích chùa Am Vãi, đồng thời xác định các quỹ đất dự trữ phát triển và điều tiết mật độ dân số đô thị và nông thôn theo quy luật thị trường.

Tổng diện tích tự nhiên khu vực quy hoạch định hướng tổng quan khoảng 12.280 ha; Trong đó:

- Không gian đô thị (gồm 2 khu đô thị Đông Nam Dương và Tây Nam Dương; 07 (thị tứ) khu vực quần cư dịch vụ và khu vực dịch vụ trung tâm): với tổng diện tích khoảng 2.477 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 20%;

- Không gian nông thôn (gồm 14 quần cư nông thôn; Trong đó, Tân Lập (8), Tân Mộc (2) và Nam Dương (4): với tổng diện tích khoảng 2.231 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 19%;

- Không gian nông nghiệp (gồm không gian nông nghiệp các xã Tân Lập, Nam Dương và Tân Mộc): với tổng diện tích khoảng 6.128 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 50%;

- Không gian chức năng ngoài đô thị (gồm khu vực quần thể tâm linh; khu vực dịch vụ cư sĩ): với tổng diện tích khoảng 1.344 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 11%.

6.4. Định hướng phát triển không gian tâm linh:

Không gian tâm linh bao gồm toàn bộ Quần thể Tâm linh núi Am Ni (khu vực có chùa Am Vãi) với tổng diện tích 1.065ha; chùa Hàm Long 9ha; chùa Nam Biềng (Nghiêm Phúc Thiên tự) 10ha và chùa Khả Lã 4ha.

Được phát triển trên nền tảng các ngôi chùa có sẵn như chùa Am Vãi, chùa Hàm Long, chùa Nam Biềng (Nghiêm Phúc Thiên tự), chùa Khả Lã; phát triển xây dựng mới các khu vực chùa Am Ni Thượng; chùa Am Ni Trung, Thiền viện Am Ni; chùa Am Ni Hạ; vườn tháp Am Ni; Vô Ưu Đường; Phật đài Am Ni; Công viên các kỳ quan Phật giáo (thế giới và Việt Nam). Đồng thời hoàn thiện các khu vực cảnh quan, các công trình phụ trợ khác.

Định hướng bố trí: 06 Thiền môn ở Tân Lập (02), Tân Mộc (02), Nam Dương (02); chùa Am Vãi, 01 Tượng Phật Lớn thuộc địa phận 3 xã Tân Lập, Tân Mộc, Nam Dương; chùa Am Ni Thượng ở Tân Lập; chùa Am Ni Trung, Thiền viện Am Ni ở Tân Mộc; chùa Am Ni Hạ ở Nam Dương; vườn tháp Am Ni ở Nam Dương, Tân Mộc; Phật Đài Am Ni ở Tân Mộc; chùa Hàm Long, chùa Nam Biềng (Nghiêm Phúc Thiên tự) ở Nam Dương; Vô Ưu Đường ở Tân Mộc; chùa Khả Lã ở Tân Lập.

Trong ngắn hạn, ưu tiên đầu tư bảo tồn di tích chùa Am Vãi, các khu vực có khả năng thu hút nguồn vốn xã hội như Phật đài Am Ni; Vườn tháp Am Ni; Tháp chuông; Thiền môn; Thiền viện Am Ni; và Vô Ưu Đường.

Trong dài hạn, đầu tư các hạng mục có hàm lượng nghiên cứu chuyên sâu, quy

mô lớn, bao gồm chùa Am Ni Thượng; Tượng Phật lớn; chùa Am Ni Trung; chùa Am Ni Hạ; Công viên Các kỳ quan Phật giáo.

6.5. Các giải pháp thiết kế đô thị, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

Phong cách kiến trúc, cảnh quan được tổ chức theo từng khu vực phát triển với các dạng thức khác nhau. Trong đó, khu vực Quần thể tâm linh núi Am Ni với phong cách thời Lý - Trần, trong đó, phong cách thời Trần làm chủ đạo;

Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi được tiếp cận qua 04 điểm cửa ngõ chính, cụ thể: Cửa ngõ số 1: theo hướng Bắc xã Nam Dương, giao cắt giữa đường Tỉnh lộ 289 với đường trục chính đô thị Nam Dương; cửa ngõ số 2: theo hướng Đông xã Tân Lập, trên đường huyện hướng đi Đèo Gia; cửa ngõ số 3: theo hướng Nam xã Tân Mộc, trên Tỉnh lộ 289, hướng đi từ huyện Lục Nam vào; cửa ngõ số 4: theo hướng Tây Nam xã Tân Mộc, qua sông Bò hướng đi từ Tỉnh lộ 293 vào.

Các trục, tuyến không gian cấp toàn khu quy hoạch bao gồm 08 tuyến cảnh quan chủ đạo từ các khu vực đón tiếp, dịch vụ trung tâm, dịch vụ cư sỹ, quần cư dịch vụ hướng tới đỉnh núi Am Ni; các tuyến đường cảnh quan gắn với việc tổ chức các tuyến cây trồng theo chủ đề, chủ điểm (như tuyến trúc; tuyến tre; tuyến mai; tuyến đào; tuyến mận; tuyến hồng; tuyến lê và các dạng cây trồng có hoa, trái khác). Dọc các tuyến cảnh quan chủ đạo, các thảm thực vật, cây trồng theo chủ đề có chiều sâu (ngoài lộ giới) tối thiểu 50m.

Các khu vực phát triển cần được thiết kế cảnh quan đô thị với các phong cách riêng biệt song phải có sự hài hòa chung trong bối cảnh toàn thể. Các khu vực nông thôn, nông nghiệp được tổ chức theo cấu trúc nghệ thuật thực địa, tạo hình thẩm mỹ trên tổng mặt bằng. Các không gian chức năng ngoài đô thị được tổ chức cảnh quan, kiến trúc theo tính chất chức năng và công nghệ.

6.6. Quy mô đầu tư và các chỉ tiêu quy hoạch Quần thể tâm linh núi Am Ni

	Diện tích khu vực xây dựng	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Mật độ xây dựng	Hệ số sử dụng đất	Tầng cao tối thiểu	Tầng cao trung bình	Tầng cao tối đa	
	(ha)	(m ²)	(m ²)	(%)	(lần)	(tầng)	(tầng)	(tầng)	
		b	c	$d=b/a*100$	$e=c/a$		$f=c/b$		
A	Quần thể Tâm linh Núi Am Ni	1.065	517.321	1.132.141	4,9	0,11	1,0	2,2	18,0
A1	Chùa Am Vãi	12,3	6.145	12.290	5,0	0,100	1,5	2,0	9,0
A2	Tượng Phật Lớn	8,5	4.265	8.529	5,0	0,100	1,5	2,0	4,0
A3	Chùa Am Ni Thượng	23,5	11.758	23.516	5,0	0,100	1,5	2,0	4,0
A4	Chùa Am Ni Trung	22,5	11.226	22.451	5,0	0,100	1,5	2,0	4,0
A5	Chùa Am Ni Hạ	25,8	12.901	25.803	5,0	0,100	1,5	2,0	4,0
A6	Vườn tháp Am Ni	14,0	7.003	21.008	5,0	0,150	1,5	3,0	18,0
A7	Rừng hoa chuyên đề	284,1	14.204	42.612	0,5	0,015	1,5	3,0	6,0

		Diện tích khu vực xây dựng	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Mật độ xây dựng	Hệ số sử dụng đất	Tầng cao tối thiểu	Tầng cao trung bình	Tầng cao tối đa
		(ha)	(m ²)	(m ²)	(%)	(lần)	(tầng)	(tầng)	(tầng)
			b	c	$d=b/a*100$	$e=c/a$		$f=c/b$	
A8	Phật đài Am Ni	13,0	19.504	58.511	15,0	0,450	1,5	3,0	9,0
A9	Vô Ưu Đường	28,3	14.168	42.504	5,0	0,150	1,5	3,0	6,0
A10	Thiền viện Am Ni	34,5	17.269	51.806	5,0	0,150	1,5	3,0	9,0
A11	Tháp chuông	4,2	2.084	8.335	5,0	0,200	1,0	4,0	18,0
A12	Công viên Các kỳ quan Phật giáo	29,8	14.885	44.654	5,0	0,150	1,5	3,0	18,0
A13	Quảng trường Am Ni	10,2	5.121	12.803	5,0	0,125	1,5	2,5	4,0
A14	Dưỡng Lão Đường	32,2	80.552	161.103	25,0	0,500	1,5	2,0	3,0
A15	Khu dân cư, dịch vụ chuyên đề	13,6	47.557	95.114	35,0	0,700	1,5	2,0	3,0
A16	Vườn chủ đề	18,7	3.740	11.219	2,0	0,060	1,5	3,0	6,0
A17	Giao thông và đầu mối hạ tầng	326,2	163.120	326.239	5,0	0,100	1,5	2,0	3,0
A18	Khu vực cảnh quan chung và các công trình phụ trợ	163,6	81.822	163.644	5,0	0,100	1,5	2,0	3,0

6.7. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông tổng quan

Tổ chức không gian giao thông Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi theo hướng đa phương thức (thủy, bộ, hiện đại và thô sơ), hạn chế các điểm giao cắt với tình lộ, gắn việc tổ chức giao thông với các tuyến hành lang xanh, khuyến khích các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường. Trong đó, ưu tiên đặc biệt mở rộng vỉa hè, lối đi cho người tàn tật, bộ hành, đi xe đạp và các phương tiện cá nhân khác;

- Hệ thống giao thông đối ngoại: Tình lộ 289: Lộ giới là 30,0m; mặt cắt (B-B): trong đó lòng đường $15,0 \times 1 = 15,0\text{m}$; hè đường 2 bên $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$; đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài khoảng 14km.

- Hệ thống giao thông toàn khu quy hoạch:

+ Đường trục chính (RD01): Lộ giới 42m; Mặt cắt (1-1): trong đó lòng đường $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$; dải phân cách rộng 3,0m; hè đường 2 bên $9,0 \times 2 = 18,0\text{m}$. Tổng chiều dài toàn tuyến 1,0km.

+ Đường chính (tuyến RD02): Lộ giới 36m; mặt cắt (2-2): trong đó lòng đường $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$; dải phân cách rộng 3,0m, hè đường 2 bên $6,0 \times 2 = 12,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 14km.

+ *Đường liên khu vực (tuyến RD03)*: Lộ giới 30m; mặt cắt (3-3): trong đó lòng đường $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$; dải phân cách rộng 2,0m; hè đường 2 bên $6,5 \times 2 = 13,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 69,6km.

+ *Đường chính khu vực*:

Tuyến RD04: Lộ giới 20,5m; mặt cắt (4-4): trong đó lòng đường $5,5 \times 2 = 11,0\text{m}$; dải phân cách rộng 1,5m; hè đường 2 bên là $4,0 \times 2 = 8,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 65,3km.

Tuyến RD05: Lộ giới 18,0m; mặt cắt (5-5): trong đó lòng đường $7,0 \times 1 = 7,0\text{m}$; hè đường 2 bên là $5,5 \times 2 = 11,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 7km.

+ *Đường khu vực*:

Tuyến RD06: Lộ giới 17,5m; trong đó lòng đường $7,5 \times 1 = 7,5\text{m}$; hè đường 2 bên $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 129km.

Tuyến RD07: Lộ giới 16,5 m; trong đó lòng đường $7,5 \times 1 = 7,5\text{m}$; hè đường 2 bên $4,5 \times 2 = 9,0\text{m}$; tổng chiều dài toàn tuyến 4km.

+ *Đường cảnh quan (tuyến RD08)*: Các tuyến đường cảnh quan được tổ chức theo các chuyên đề (tuyến vải; tuyến trúc; tuyến tre; tuyến mai; tuyến đào; tuyến mận; tuyến hồng; tuyến lê và các loài cây trồng có hoa, quả đặc biệt khác). Lộ giới $\geq 18\text{m}$; mặt cắt (8-8): trong đó lòng đường $3,5 \times 2 = 7,0\text{m}$; dải cây xanh cảnh quan dọc tuyến được tổ chức trồng theo chủ đề có chiều sâu tối thiểu (mỗi bên) 50m; tổng chiều dài toàn tuyến 74km.

Với các tuyến đi bộ khu vực trung tâm, không khống chế lộ giới, được thiết kế liên kết không gian (cùng cao độ) giữa vỉa hè và lòng đường, đảm bảo độ dốc thoát nước mặt $\geq 0,3\%$.

- Hệ thống giao thông tĩnh: Hệ thống giao thông tĩnh trong khu quy hoạch bao gồm 10 cụm bãi đỗ xe và điểm dịch vụ vận tải; tổng diện tích giao thông tĩnh: 276,5 ha; diện tích bãi đỗ xe tối thiểu khu vực đầu mỗi đón khách du lịch khoảng 10 ha.

- Hệ thống giao thông thủy: Dự kiến tổ chức 06 bến thuyền dọc sông Lục Nam (4) và sông Bò (2); diện tích tối thiểu cần thiết để quay vòng dành cho đậu hàng một các phương tiện (chưa bao gồm các công trình dịch vụ): khoảng 30.251 m^2 (>3 ha).

- Công trình trên tuyến: Thực hiện giai đoạn ngắn hạn 2020: xây dựng mới 01 cầu treo du lịch - tải trọng lớn dành cho xe cơ giới thay thế cho cầu Nam Dương hiện nay (theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030); nâng cấp cầu Nam Dương (hiện trạng) dành cho phương tiện cá nhân, bộ hành. Thay thế ngầm qua sông Cầu Cát - Nam Dương và cầu treo du lịch Nghĩa Hồ - Khả Lã; xây lắp mới 01 cầu treo du lịch đoạn Trù Hựu - Nam Dương và bố trí 1 cầu treo du lịch cho phương tiện cá nhân, bộ hành đoạn Tây Nam Dương - Công viên Vải Thiều. Định hướng quy hoạch dài hạn đến năm 2030: sẽ thay thế các đoạn ngầm và cầu phao bằng cầu bê tông hoặc thép với tải trọng lớn.

Làm mới 3 cầu treo du lịch qua sông Bò từ Tỉnh lộ 293 (có khả năng sử dụng được phương tiện cơ giới). Các cầu treo có hình dáng đặc biệt, thẩm mỹ và độc đáo.

b) Quy hoạch giao thông khu vực Quần thể tâm linh núi Am Ni:

Tỉnh lộ 289: Lộ giới là 30,0m; mặt cắt (B-B): trong đó lòng đường $15,0 \times 1 = 15,0\text{m}$; hè đường 2 bên $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$; đoạn qua khu tâm linh có chiều dài khoảng 3,5km.

Đường liên khu vực (tuyến RD03) có lộ giới 30m; mặt cắt (3-3): trong đó lòng đường $7,5 \times 1 = 7,5\text{m}$; hè đường 2 bên $11,25 \text{ m} \times 2 = 22,5\text{m}$ (dải cây xanh 2 bên: $2,0 \text{ m} \times 2 = 4,0\text{m}$); tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 18km.

Đường chính khu vực, tuyến RD04 có lộ giới 20,5m; mặt cắt (4-4): trong đó lòng đường $7,5 \times 1 = 7,5\text{m}$; hè đường 2 bên là $6,5 \times 2 = 13,0\text{m}$ (dải cây xanh 2 bên: $2,0\text{m} \times 2 = 4,0\text{m}$); tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 15km.

Đường khu vực, đường cảnh quan (tuyến RD08) có lộ giới $\geq 18\text{m}$; mặt cắt (8-8): trong đó lòng đường $7,0 \times 1 = 7,0\text{m}$; vệ đường 2 bên $5,5\text{m} \times 2 = 11,0\text{m}$ (cây xanh, thảm cỏ trồng theo chủ đề); tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 30km.

c) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Dự kiến tối đa tận dụng nền tự nhiên, chỉ san gạt đối với một số điểm hiện trạng bị úng cục bộ khi mưa lớn. Do Khu di tích ở vị trí cao so với cốt chậm lũ (12,5) nên dự kiến tối đa tận dụng nền tự nhiên, chỉ san gạt đối với một số điểm hiện trạng bị úng cục bộ khi mưa lớn; đối với khu vực xây dựng đường giao thông, cao độ san nền phụ thuộc vào độ dốc dọc và ngang của tuyến đường.

d) Thoát nước: Hệ thống thoát nước được xây dựng là hệ thống thoát nước nửa riêng cho khu vực dân cư cũ; khu vực xây dựng mới sử dụng hệ thống công thoát nước riêng cho hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải.

- Thoát nước mưa:

+ Toàn khu vực quy hoạch được phân thành 8-10 lưu vực chính, lấy đỉnh núi Am Ni làm tâm điểm phân thủy. Các điểm tụ thủy hồ Đồng Á, Khuôn Vó, Hàm Long, Tân Giáo, Hoa Quảng, Đồng Con, Bến Huyện, Nam Điện, Lại Tân, Cà Phê.

+ Giải pháp thoát nước: Chủ yếu dựa trên hệ thống thoát nước tự nhiên trên cơ sở các dòng chảy hiện hữu. Theo đó, dọc các tuyến đường tổ chức hệ thống thu gom nước mưa, kênh mương, mở rộng các khu vực mặt nước (ao, hồ) và dòng chảy (suối, kênh, mương, rạch nước) nâng cao sức chứa và chống ngập úng cục bộ; hướng thoát nước mặt tập trung theo hệ thống suối tự nhiên, kênh mương thủy lợi và thoát ra sông Lục Nam và sông Bò.

+ Công thoát nước sử dụng công tròn bê tông cốt thép từ D800 đến D3000. Độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

d) Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước cấp cho Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi được lấy từ nước giếng khoan; tại các khu vực có nguồn nước sạch có thể sử dụng các trạm xử lý với công suất nhỏ để cung cấp nước cho từng cụm đô thị.

- Đến năm 2030, nhu cầu công suất tổng quan: cấp nước sinh hoạt và dịch vụ khoảng $4.500 - 7.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước sử dụng khác khoảng $15.000 - 21.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$;

Nước tưới cây, rửa đường, cứu hỏa, tạo cảnh quan khoảng 19.000 - 48.000 m³/ngày;

Quần thể tâm linh núi Am Ni: nhu cầu công suất cấp nước sinh hoạt và dịch vụ khoảng 2.400 m³/ngày; nước sử dụng khác khoảng 1.200 m³/ngày; Nước tưới cây, rửa đường, cứu hỏa, tạo cảnh quan khoảng 5.400 m³/ngày;

- Các tuyến ống chính là ống gang ND200 – 300 (cấp I), các tuyến ống nhánh DN160, DN110 (cấp II), tuyến ống cấp nước dịch vụ ống nhỏ hơn DN110 là ống HDFE, hệ thống ống tưới cây vòi phun dùng ống nhựa HDFE;

Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5m; đối với đoạn qua đường xe chạy tối thiểu sâu 0,7m.

e) Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp cho Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi được lấy từ nguồn điện 35 KV từ lưới điện nguồn cấp hiện hữu, đường điện được dẫn về các trạm biến áp trung gian.

Lưới trung áp 35/22kV: Mở rộng nâng cấp các trạm điện hiện có, xây dựng mới trạm khác đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho toàn Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi.

- Đến năm 2030, nhu cầu công suất tổng quan khoảng từ 46.000 - 52.000 KVA (Điện chiếu sáng khoảng 18.000 - 25.000 KVA; Điều hoà nhiệt độ, các thiết bị khác khoảng 8.000 - 15.000 KVA; Bên ngoài khoảng 11.000 - 18.000 KVA);

Quần thể tâm linh núi Am Ni: nhu cầu công suất khoảng 12.000 KVA (Điện chiếu sáng khoảng 5.700 KVA; Điều hoà nhiệt độ, các thiết bị khác khoảng 1.100 KVA; Bên ngoài khoảng 5.300 KVA);

Đoạn qua ranh giới khu vực quy hoạch được bọc cách điện bằng PVC đảm bảo hành lang an toàn điện.

- Trạm biến áp 35(22)/0,4kV:

+ Sửa chữa, cải tạo thay thế các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV.

+ Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m.

- Điện sinh hoạt và chiếu sáng:

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên; tuy nhiên sẽ cải tạo nâng cấp những đoạn dây có tiết diện nhỏ để đảm bảo cung cấp điện và cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ.

+ Lưới điện chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới điện chiếu sáng; tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng; các trục đường trung tâm, xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp XLPE; tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

f) Quy hoạch thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn và quản lý nghĩa trang

- Xử lý nước thải:

Đến năm 2030: yêu cầu công suất tổng quan khoảng từ 6.000 - 9.000 m³/ngày; Quần thể tâm linh núi Am Ni: yêu cầu công suất khoảng từ 2.000 - 3.000 m³/ngày;

+ Công thoát nước thải sử dụng công tròn bê tông cốt thép đường kính D600 – D2000 mm; tương ứng với từng khu chức năng, nhóm nhà; cụm đô thị; toàn Khu di tích.

+ Các đường ống nước thải từ các khu chức năng, các khu nhà được thu và tập trung về trạm xử lý nước thải nằm trong khu vực kỹ thuật, nước thải sau khi xử lý sẽ đạt tiêu chuẩn loại A. Trước khi đưa nước đã xử lý ra hồ cảnh quan hoặc sử dụng làm nước tưới cây cần phải qua một hồ lắng (hồ sinh học) trung gian. Đối với công trình xa khu vực trung tâm có thể sử dụng bãi lọc tự nhiên.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):

Đến năm 2030, yêu cầu công suất tổng quan khoảng từ 60 - 80 tấn/ngày; Quần thể tâm linh núi Am Ni: yêu cầu công suất khoảng 35 tấn/ngày;

+ Các khu xử lý CTR có quy mô lớn chọn công nghệ hiện đại, tỷ lệ tái chế, đốt rác để sản xuất điện đạt 60 - 85%; chôn lấp hợp vệ sinh đạt 15 - 40%. Các khu xử lý quy mô nhỏ tại khu vực nông thôn ưu tiên sử dụng công nghệ chôn lấp và tái chế phục vụ nông nghiệp. Trên địa bàn mỗi khu vực phát triển cần xây dựng khu xử lý CTR (sơ chế) phục vụ nhu cầu từng khu vực.

Các thùng đựng rác thải cần phải được phân bố đều, đảm bảo bán kính phục vụ ≤50m/ điểm. Rác thải sẽ được thu gom đưa về nơi xử lý tập trung, khuyến khích đến bắt buộc phân loại rác tại nguồn. Các thiết bị chứa và vận chuyển rác cần được thiết kế cho phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ.

- Bố trí nhà vệ sinh: cần được tính toán với số lượng và cự ly thích hợp (bán kính không vượt quá 600m) với lượng du khách ngày cao điểm với lượng đáp ứng tối thiểu 80%;

- Quản lý nghĩa trang: Hạn chế hung táng tại các nghĩa trang, nghĩa địa trong khu vực, cải tạo theo hướng nghĩa trang là một phần cảnh quan trong công viên. Khi nghĩa trang tập trung huyện Lục Ngạn hoạt động, các nghĩa trang nhân dân tại Khu di tích sẽ đóng cửa. Khuyến khích thay đổi hình thức địa táng sang hỏa táng.

g) Quy hoạch thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc xây dựng theo công nghệ mới, hiện đại, tích hợp được các loại hình viễn thông, internet, truyền hình và tiếp thu công nghệ mới. Nâng cấp mở rộng hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn toàn khu quy hoạch. Triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm theo hệ thống công trình ngầm trong các khu vực chức năng. Đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng của đô thị phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hóa và quản lý phát triển.

6.8. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường: Có biện pháp xử lý những vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay để đảm bảo an toàn cho các nguồn nước cấp cho sinh hoạt, tưới tiêu và môi trường không khí, đặc biệt bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái;

- Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường: Giám sát, xử lý các vi phạm ô nhiễm; Đánh giá tác động môi trường đối với từng dự án; Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Bảo tồn các hệ sinh thái và đa dạng sinh học cho vành đai, hành lang xanh nhằm giữ cân bằng sinh thái đô thị, điều hòa khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm, tăng sức tải môi trường;

- Bảo vệ môi trường: Cần phân vùng bảo vệ môi trường gồm vùng bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng kiểm soát chất lượng môi trường đô thị và công nghiệp, vùng kiểm soát môi trường nông thôn, làng nghề, vùng phòng hộ, cân bằng môi trường, khu vực du lịch để có các giải pháp bảo vệ phù hợp.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường: Quan trắc, kiểm soát môi trường: Đây là vấn đề quan trọng phải được duy trì thường xuyên trong quá trình sử dụng. Việc quan trắc, kiểm tra, đo đạc mới phát hiện và bổ sung các biện pháp khắc phục theo đúng quy định; đề xuất xây dựng 3 điểm quan trắc môi trường không khí tại phía Đông, phía Bắc và phía Tây núi Am Ni; 2 điểm quan trắc môi trường nước mặt sông Lục Nam và sông Bò.

7. Quy hoạch xây dựng đợt đầu

7.1. Quy hoạch xây dựng đợt đầu (giai đoạn 2017 - 2020)

Tập trung triển khai nhóm dự án tại Quần thể tâm linh núi Am Ni, giao thông và hạ tầng kỹ thuật chung. Gồm:

- Đầu tư bảo tồn di tích chùa Am Vãi, chùa Hàm Long, phục dựng chùa Nam Biêng (Nghiêm Phúc Thiên tự), chùa Khả Lã; các dự án có khả năng thu hút nguồn vốn xã hội như chùa Am Ni Thượng; chùa Am Ni Trung, Thiền viện Am Ni; chùa Am Ni Hạ; vườn tháp Am Ni; Vô Ưu Đường; Phật đài Am Ni; Công viên các kỳ quan Phật giáo.

- Đầu tư dự án giao thông tỉnh lộ (289 kết nối với 293). Các đường trục chính; đường liên khu vực; đường dạo, cảnh quan; giao thông nông thôn; cửa ngõ; bãi đỗ xe, dịch vụ vận tải; và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (thuộc khu vực Quần thể tâm linh núi Am Ni).

7.2. Nguồn vốn đầu tư

Đầu tư thực hiện quy hoạch sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định hiện hành, trong đó:

a) Nguồn vốn ngân sách:

Vốn từ ngân sách Trung ương tập trung đầu tư cho các dự án hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng được bố trí căn cứ vào nội dung dự án đầu tư và khả năng cân đối của ngân sách Trung ương hằng năm, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành; vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, huyện, xã có di tích liên quan trong phạm vi quy hoạch này).

b) Các nguồn vốn hợp pháp khác:

Các nguồn vốn hợp pháp khác tập trung đầu tư cho các dự án khu vực tâm linh, dịch vụ, du lịch, các khu vực dân cư gồm: Vốn đầu tư của doanh nghiệp, cá nhân, hộ

gia đình (tại chỗ và nơi khác đến); vốn thu từ khai thác các hoạt động du lịch; vốn xã hội huy động từ sự đóng góp của tổ chức, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, nguồn vốn đóng góp của nhân dân, tăng ni, Phật tử, các nhà hảo tâm.

8. Quy hoạch phân vùng bảo vệ

a) Khu vực bảo vệ I: Gồm di tích và vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng.

Tổng diện tích 35,8ha: Bao gồm khuôn viên 2 ngôi chùa là di tích cấp tỉnh đã được công nhận: Chùa Am Vãi (26,8ha); chùa Hàm Long (9ha).

Các hạng mục thuộc vùng bảo vệ I cần được xác định rõ trong nội dung, quy mô đầu tư chi tiết và phải được giữ nguyên trạng hoặc có thể trùng tu, phục dựng, khôi phục các di tích; khu vực này chỉ được thực thi các giải pháp bảo tồn, không tiến hành xây dựng mới các công trình kiên cố, có tác động xấu tới di tích.

b) Khu vực bảo vệ II: Là vùng bao quanh khu vực bảo vệ I của di tích, có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng tới kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

Bao gồm toàn bộ Quần thể Tâm linh núi Am Ni (tổng diện tích 1.065ha). Trong đó tập trung tại các công trình trọng yếu (236ha): Tượng Phật Lớn (8,5ha); chùa Am Ni Thượng (23,5ha); chùa Am Ni Trung (22,5ha); chùa Am Ni Hạ (25,8ha); vườn tháp Am Ni (14ha); Phật đài Am Ni (13ha); Vô Ưu Đường (28,3ha); thiền viện Am Ni (34,5ha); tháp chuông (4,2ha); Công viên các kỳ quan Phật giáo (29,8ha); Dưỡng Lão Đường (32,2ha) và 2 khu vực bảo vệ độc lập (tổng diện tích 14ha) gồm chùa Nam Biêng (Nghiêm Phúc Thiền tự) 10ha và chùa Khả Lã 4ha.

Đối với cảnh quan, kiến trúc trong khu vực bảo vệ di tích gồm các khu vực dân cư bản địa, các khu vườn, cánh đồng, nghĩa địa, rừng cây, các khu vực hạ tầng đón tiếp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thuộc 3 xã Tân Lập, Tân Mộc, Nam Dương; Khu vực này cần hạn chế xây dựng, chỉ xây dựng công trình khi thật sự cần thiết hoặc xây dựng phải tuân thủ các quy định về chuyên môn.

c) Vùng đệm: Bao gồm toàn bộ các khu vực còn lại: Cảnh quan, kiến trúc trong khu vực tiếp giáp Khu vực bảo vệ I và II, không có liên quan trực tiếp, gắn với các các sự kiện lịch sử liên quan đến Khu di tích chùa Am Vãi;

Khu vực này được phép xây dựng theo nhu cầu song không làm tổn hại về mặt cảnh quan và môi trường đến di tích.

9. Các giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện quy hoạch

9.1. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Để đạt được những mục tiêu và định hướng phát triển Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đòi hỏi phải có một hệ thống các giải pháp thực hiện đồng bộ, khả thi trên cơ sở những chính sách, quy định chung của Nhà nước và các tham vấn cộng đồng nhằm tìm kiếm các nhân tố mới, hình thành các động lực từ nguồn nội tại và các động lực đến từ bên ngoài thúc đẩy phát triển theo từng giai đoạn; bao gồm (1)

Nhóm giải pháp về quản lý và bảo vệ Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi; (2) Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách; (3) Nhóm giải pháp làm tăng giá trị di sản bằng du lịch văn hóa; (4) Nhóm giải pháp huy động vốn; (5) Nhóm giải pháp quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch.

Trong đó đặc biệt chú ý các giải pháp chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng bền vững và hiệu quả; Tập trung vào các giải pháp thu hút các nguồn vốn xã hội đầu tư, cân bằng tại chỗ, tránh lãng phí, phát triển thông minh với hiệu quả kép và ưu tiên các giải pháp phi xây dựng, mang lại giá trị gia tăng cao.

9.2. Tổ chức thực hiện:

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện Lục Ngạn có trách nhiệm công bố, cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa, quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Các nội dung khác: Theo Văn bản số 1436/SVHTTDL-QLDSVH ngày 30/12/2016 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và hồ sơ quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Lưu: VT. KGVX.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, GTXD, TNMT, CNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Lê Anh Dương**